TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2022
V/v *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
- Các hội thẩm nhân dân*:* 1. Ông Đặng Công Tâm
2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Lê Thị Thùy D - Sinh năm 1976. (Có mặt).
Nơi ĐKHKTT: Đường N, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: Đường M, phường V, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

* **Bị đơn**: Ông Phạm Tấn C - Sinh năm 1965. (vắng mặt).
Trú tại: Đường N, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Phạm Tấn C sau một thời gian tìm hiểu thì đi đến kết hôn vào năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng do sai lệch thông tin trên giấy đăng ký kết hôn nên đến năm 2013 vợ chồng bà đăng ký kết hôn lại theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 Quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23.10.2013 hiện nay là Ủy ban nhân dân phường V, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Đường N, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng bà không hợp. Do giữa vợ chồng mâu thuẫn nên đến tháng 6 năm 2021 bà cùng hai con chuyển về nhà mẹ ruột của bà tại đường M, phường V, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam sống cho đến nay, ông C vẫn sống tại đường N, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng không sống chung từ ngày tháng 6 năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Vào ngày 07.7.2021 bà đã nộp đơn khởi kiện ly hôn và đã được Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết, nhưng do ông C vẫn cố níu kéo nên đến ngày 23.9.2021 bà đã rút đơn khởi kiện để ông C có thêm thời gian đánh giá lại tình cảm của vợ chồng. Từ khi rút đơn đến nay bà không thấy ông C có động thái gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hiện nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng quá trầm trọng, bà nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa do vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Tấn C.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Phạm Lê Minh Ch, sinh ngày 17.6.1999, Phạm Tấn Phương N, sinh ngày 24.3.2009 và Phạm Lê Châu G, sinh ngày 24.3.2009. Khi ly hôn bà D đề nghị giao hai con chung là Phạm Tấn Phương N và Phạm Lê Châu G cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án bà yêu cầu ông Cũng phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là Phương N và Châu G mỗi tháng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng)/tháng, mỗi con chung là 40.000.000 đồng/tháng. Đối với con chung Phạm Lê Minh Ch, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng để vợ chồng bà tự thỏa thuận chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thùy D xác định vợ chồng bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Hải Châu đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải, giấy triệu tập cho ông Phạm Tấn C để lấy lời khai và tham gia hoà giải nhưng ông Phạm Tấn C

đều không có mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến, nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; ®iÓm b kho¶n 2 §iÒu 227; kho¶n 3 §iÒu 228 Bé luËt tè tông d©n sù chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn và nuôi con" của Bà Lê Thị Thùy D đối với ông Phạm Tấn C.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Thùy D được ly hôn đối với ông Phạm Tấn C.

* *Về con chung:* Giao hai con chung là Phạm Tấn Phương N và Phạm Lê Châu G cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Phạm Lê Minh Ch, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng để vợ chồng bà tự thỏa thuận chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong suốt quá trình tố tụng ông Phạm Tấn C vắng mặt và không có lý do về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Tấn C là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Tấn C.

[1.3] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn Bà Lê Thị Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với bị đơn là ông Phạm Tấn C. Về con

chung bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Phạm Tấn Phương N và Phạm Lê Châu G cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Phạm Lê Minh Ch, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Về Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà Lê Thị Thùy D đối với ông Phạm Tấn C, HĐXX thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D và ông Phạm Tấn C kết hôn năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của bà D, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng bà không hợp, bà cùng hai con chuyển về nhà mẹ ruột của bà tại đường M, phường V, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam sống, ông C vẫn sống tại phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng không sống chung từ ngày tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Vào ngày 07.7.2021 bà đã nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng do ông C vẫn cố níu kéo nên đến ngày 23.9.2021 bà đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi rút đơn bà vẫn không thấy ông C có động thái gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hiện nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng quá trầm trọng, bà nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa do vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Tấn C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông C và bà D có cơ hội đoàn tụ nhưng ông C đều không có mặt, chứng tỏ ông C không tha thiết hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân với bà D. Như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Lê Minh Ch, sinh ngày 17.6.1999, Phạm Tấn Phương N, sinh ngày 24.3.2009 và Phạm Lê Châu G, sinh ngày 24.3.2009. Khi ly hôn bà D đề nghị giao hai con chung là Phạm Tấn Phương N và Phạm Lê Châu G cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Tấn Phương N và Phạm Lê Châu G của bà D HĐXX thấy: Hiện nay cháu N và cháu G còn nhỏ, các cháu hiện đang sống cùng với mẹ đồng thời cả hai cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông C không đến tòa án theo giấy triệu tập, không có ý kiến gì về việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con,

không thể hiện được trách nhiệm của ông trong việc nuôi con chung. Do đó, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà D giao 02 con chung là Phạm Tấn Phương N và Phạm Lê Châu G cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là Phương N và Châu G mỗi tháng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), mỗi con chung là 40.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng để vợ chồng bà tự thỏa thuận chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét. Đối với con chung Phạm Lê Minh Châu, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà D cho rằng vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của Bà Lê Thị Thùy D đối với ông Phạm Tấn C; Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D được ly hôn đối với ông Phạm Tấn C; Về con chung*:* Giao hai con chung là Phạm Tấn Phương N và Phạm Lê Châu G cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung Phạm Lê Minh Ch, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng để vợ chồng bà tự thỏa thuận chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[2.4] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng Bà Lê Thị Thùy D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn và nuôi con" của Bà Lê Thị Thùy D đối với ông Phạm Tấn C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy D được ly hôn với ông Phạm Tấn C.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Tấn Phương N, sinh ngày 24.3.2009 và Phạm Lê Châu G, sinh ngày 24.3.2009 cho Bà Lê Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung bà D tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Phạm Lê Minh Ch, sinh ngày 17.6.1999 hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung*:* Bà Lê Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Bà Lê Thị Thùy D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà Lê Thị Thùy D đã nộp tại biên lai thu số 0000552 ngày 10.12.2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thùy D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường V*
Huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
- *Lưu hồ sơ vụ án.*